

Phụ lục 2
BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU VLXD VÀ CÂN ĐỐI CUNG - CẦU TRÊN ĐỊA BÀN XÃ SƠN TỊNH
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của UBND xã Sơn Tịnh)

STT	Dự án, công trình/Loại khoáng sản	Cung - cầu VLXD năm 2026 (1000m ³)			Cung - cầu VLXD giai đoạn 2027-2030 (1000m ³)		
		Nhu cầu	Khả năng đáp ứng	Cân đối Thiếu (-) Thừa (+)	Nhu cầu	Khả năng đáp ứng	Cân đối Thiếu (-) Thừa (+)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4) - (3)	(6)	(7)	(8) = (7) - (6)
I	Các công trình hạ tầng giao thông trọng điểm (đường bộ, đường sắt, cầu, hầm) do Trung ương làm chủ đầu tư						
1	Đá xây dựng						
2	Cát xây dựng						
3	Cát san lấp						
4	Đất san lấp						
5	Vật liệu thay thế						
II	Các công trình hạ tầng giao thông trọng điểm (đường bộ, đường sắt, cầu, hầm) do địa phương làm chủ đầu tư						
1	Đá xây dựng	2,4	2,4	0	93,3	0	-93,3
2	Cát xây dựng	1,3	1,3	0	100,2	100,2	0
3	Cát san lấp						
4	Đất san lấp	0,5	0,5	0	39,6	0	-39,6
5	Vật liệu thay thế						
III	Các công trình khác (sân bay, cảng biển, đô thị, nhà ở, khu công nghiệp, dân sinh,...)						
1	Đá xây dựng						
2	Cát xây dựng						
3	Cát san lấp						
4	Đất san lấp						
5	Vật liệu thay thế						

IV	Tổng cộng (I+II+III)						
1	Đá xây dựng	2,4	2,4	0	93,3	0	-93,3
2	Cát xây dựng	1,3	1,3	0	100,2	100,2	0
3	Cát san lấp	0	0	0	0	0	0
4	Đất san lấp	0,5	0,5	0	39,6	0	-39,6
5	Vật liệu thay thế						